

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

CHÁNH THANH TRA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng thanh tra thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Thanh tra thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng thanh tra thành phố, Trưởng các phòng chuyên môn và kế toán Văn phòng thanh tra thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chánh Thanh tra (b/cáo);
- Sở Tài chính;
- KBNN Đà Nẵng;
- CC, NLĐ cơ quan;
- Lưu: VT, VP.

**KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nguyễn Thanh Lâm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTTP ngày tháng năm 2026
của Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị: Thanh tra thành phố Đà Nẵng

Mã số ĐVSDNS: 1010210

KBNN nơi đơn vị giao dịch: KBNN Khu vực XIII - 0161

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung	Mã chương	Loại	Khoản	Dự toán năm 2026	Bao gồm:	
						Dự toán giao	Tiết kiệm để thực hiện CCTL
I	TỔNG THU NSNN				17.600.000.000	17.600.000.000	
1	Thu khác (số nộp NSNN)				17.600.000.000	17.600.000.000	
II	TỔNG CHI NSNN				80.582.000.000	77.115.000.000	3.467.000.000
1	Quản lý hành chính	437	340	341	80.582.000.000	77.115.000.000	3.467.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				58.014.000.000	56.525.000.000	1.489.000.000
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ				22.568.000.000	20.590.000.000	1.978.000.000
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP				2.278.000.000	2.278.000.000	
-	Kinh phí hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ- CP				710.000.000	690.000.000	20.000.000
-	Kinh phí may trang phục thanh tra theo Thông tư số 05/2025/TT-TTTP				2.212.000.000	1.990.000.000	221.000.000
-	Kinh phí số hóa tài liệu theo Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 13/11/2025 của UBND thành phố				571.000.000	514.000.000	57.000.000
-	Kinh phí trích thu hồi qua công tác thanh tra để thực hiện chi theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 (trích				4.520.000.000	4.068.000.000	452.000.000

	theo số thu 17,6 tỷ đồng)						
-	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác sang thăm, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo Bản ghi nhớ với Ban Thanh tra Nhà nước tỉnh Sekong (Lào)				282.000.000	254.000.000	28.000.000
-	Kinh phí hoạt động chuyên môn (Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý đơn thư; phục vụ đoàn công tác bộ, ngành Trung ương về làm việc với thành phố; thực hiện đánh giá công tác PCTN hằng năm theo kế hoạch của Thành ủy và UBND thành phố; Hoạt động của tổ công tác phục vụ tiếp dân, tố cáo đông người kéo dài; In thẻ thanh tra viên,...)				11.407.000.000	10.267.000.000	1.141.000.000
-	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác				588.000.000	529.000.000	59.000.000

PHỤ LỤC THUYẾT MINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTTP ngày tháng năm 2026
của Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị: Thanh tra thành phố Đà Nẵng

Mã số ĐVSDNS: 1010210

KBNN nơi đơn vị giao dịch: KBNN Khu vực XIII - 0161

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã chương	Loại	Khoản	Số tiền
I	Quản lý hành chính	437	340	341	77.115.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				56.525.000.000
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ				20.590.000.000
a	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP				2.278.000.000
b	Kinh phí hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP				690.000.000
c	Kinh phí may trang phục thanh tra theo Thông tư số 05/2025/TT-TTCP				1.990.000.000
d	Kinh phí số hóa tài liệu theo Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 13/11/2025 của UBND thành phố				514.000.000
e	Kinh phí trích thu hồi qua công tác thanh tra để thực hiện chi theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 (trích theo số thu 17,6 tỷ đồng)				4.068.000.000
f	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác sang thăm, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo Bản ghi nhớ với Ban Thanh tra Nhà nước tỉnh Sekong (Lào)				254.000.000
-	Chi khoán tiền ăn, tiêu vật, phòng ngủ				120.000.000
-	Chi phí mua bảo hiểm				20.000.000
-	Tiền thuê xe hoặc nhiên liệu				41.000.000
-	Chi khoán tiền điện thoại, internet				2.000.000

-	Chi phí thuê phiên dịch				10.000.000
-	Tiệc chiêu đãi (1 lượt)				61.000.000
g	Kinh phí hoạt động chuyên môn (Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý đơn thư; phục vụ đoàn công tác bộ, ngành Trung ương về làm việc với thành phố; thực hiện đánh giá công tác PCTN hằng năm theo kế hoạch của Thành ủy và UBND thành phố; Hoạt động của tổ công tác phục vụ tiếp dân, tố cáo đồng người kéo dài; In thẻ thanh tra viên,...)				10.267.000.000
-	Kinh phí vận hành cơ sở dữ liệu				146.000.000
-	Thực hiện công tác thanh tra kiểm tra tại các cơ quan, địa phương; Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra xử lý sau thanh tra; Thực hiện tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo				9.769.000.000
+	Thực hiện công tác thanh tra kiểm tra tại các cơ quan, địa phương theo kế hoạch				5.525.000.000
	CTP: 65 đoàn x 10 người x 20 ngày x 200.000đ				2.600.000.000
	Khoản ngủ: 65 đoàn x 10 người x 15 đêm x 300.000đ				2.925.000.000
+	Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra xử lý sau thanh tra theo kế hoạch				442.000.000
	CTP: 65 đoàn x 4 người x 4 ngày x 200.000đ				208.000.000
	Khoản ngủ: 65 đoàn x 4 người x 3 đêm x 300.000đ				234.000.000
+	Thực hiện công tác thanh tra kiểm tra tại các cơ quan, địa phương đột xuất				1.700.000.000
	CTP: 20 đoàn x 10 người x 20 ngày x 200.000đ				800.000.000
	Khoản ngủ: 20 đoàn x 10 người x 15 đêm x 300.000đ				900.000.000
+	Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra xử lý sau thanh tra đột xuất				136.000.000
	CTP: 20 đoàn x 4 người x 4 ngày x 200.000đ				64.000.000
	Khoản ngủ: 20 đoàn x 4 người x 3 đêm x 300.000đ				72.000.000

+	Theo dõi, đơn đốc việc thực hiện sau kết luận thanh tra				72.000.000
	CTP: 20 đoàn x 4 người x 3 ngày x 200.000đ				48.000.000
	Khoán ngủ: 20 đoàn x 4 người x 1 đêm x 300.000đ				24.000.000
+	Thực hiện tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo, xác minh đơn thư				1.245.000.000
	Bồi dưỡng tiếp công dân, xử lý đơn thư theo quy định				200.000.000
	CTP: 95 đoàn x 5 người x 5 ngày x 200.000đ				475.000.000
	Khoán ngủ: 95 đoàn x 5 người x 4 đêm x 300.000đ				570.000.000
+	Thuê xe, nhiên liệu phục vụ cho các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý đơn thư				649.000.000
-	Thực hiện đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh hằng năm theo kế hoạch của Thành ủy và UBND thành phố				50.000.000
-	Phục vụ đoàn công tác Bộ, Ngành trung ương về làm việc với thành phố				50.000.000
-	Hoạt động của tổ công tác phục vụ tiếp dân, tố cáo đông người kéo dài (Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND thành phố)				150.000.000
-	Kinh phí làm thẻ thanh tra viên (204 người)				102.000.000
h	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác				529.000.000